

Số: **386** /ĐHV-KHHTQT

Nghệ An, ngày **16** tháng 4 năm 2018

V.v hướng dẫn triển khai thực hiện
các đề tài KH&CN trọng điểm
cấp Trường năm 2018

Kính gửi:

- Lãnh đạo các đơn vị;
- Chủ nhiệm các đề tài KH&CN trọng điểm cấp Trường năm 2018.

Để kịp thời triển khai nghiên cứu các đề tài khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Trường năm 2018 về đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá các khối kiến thức theo tiếp cận CDIO, Nhà trường thông báo kế hoạch và hướng dẫn một số nội dung sau:

I. HỒ SƠ TRIỂN KHAI ĐỀ TÀI VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ SẢN PHẨM

1. Hồ sơ triển khai

Chủ nhiệm và các thành viên nghiên cứu xây dựng Thuyết minh đề tài (theo Mẫu 01) và Dự toán kinh phí thực hiện (theo Mẫu 02).

Hồ sơ nộp về Phòng KH&HTQT bao gồm: 04 bản Thuyết minh và 04 bản Dự toán kinh phí (đóng rời) với đầy đủ thông tin và chữ ký.

Thời hạn nộp hồ sơ: Trước 17 giờ ngày 26/4/2018.

2. Yêu cầu về sản phẩm

Mỗi đề tài bao gồm nhiều nội dung nghiên cứu, trong đó mỗi nội dung nghiên cứu tương ứng với một nhiệm vụ nghiên đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá của một học phần cụ thể. Do đó, sản phẩm của mỗi đề tài bao gồm sản phẩm của các nội dung nghiên cứu khác nhau. Cụ thể:

- Báo cáo phân tích, bảng mô tả mối liên hệ giữa CDR môn học với CDR CTĐT;
- Đề cương chi tiết học phần;
- Slide tóm tắt bài giảng;
- Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi của học phần;
- Hệ thống câu hỏi thi và tiêu chí đánh giá học phần.

Các sản phẩm phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và xây dựng đúng theo mẫu quy định tại Phụ lục (kèm theo).

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Tất cả các đề tài KH&CN trọng điểm cấp Trường năm 2018 đều được triển khai thực hiện trong 12 tháng (từ 1/1/2018 đến 12/2018).

2. Từ 01/6/2018 đến 25/6/2018, kiểm tra Sản phẩm 1: *Bảng mô tả mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.*

3. Từ ngày 15/8/2018 đến 30/8/2018, kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài.

4. Đánh giá nghiệm thu các sản phẩm đề tài chậm nhất trong khoảng thời gian từ 1/11/2018 đến 25/11/2018. Lưu ý, đối với nội dung nghiên cứu liên quan đến các học phần triển khai giảng dạy từ học kỳ 4 (K58) phải nghiệm thu sản phẩm trước 15/11/2018.

5. Nghiệm thu kết thúc đề tài chậm nhất trong khoảng thời gian từ 01/12/2018 đến 25/12/2018.

Nhà trường khuyến khích Chủ nhiệm đề tài hoàn thành và đăng ký nghiệm thu kết quả nghiên cứu trước thời gian quy định trên.

Nhận được Công văn này, yêu cầu lãnh đạo các viện, khoa đào tạo khẩn trương thông báo rộng rãi đến các Chủ nhiệm đề tài; đồng thời thường xuyên đôn đốc để các đề tài khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Trường năm 2018 triển khai có chất lượng và đảm bảo tiến độ công việc. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đ/c Hiệu trưởng (để b/c);
- BBT website, iOffice;
- Lưu: HCTH, KH&HTQT. 

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC

YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG, SỐ LƯỢNG VÀ BIỂU MẪU CÁC SẢN PHẨM

(Kèm theo Công văn số **386** /ĐHV-KHHTQT ngày **16** tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng về việc hướng dẫn triển khai thực hiện các đề tài KH&CN trọng điểm cấp Trường năm 2018)

Sản phẩm 1: Báo cáo phân tích mối liên hệ giữa CĐR môn học với CĐR CTĐT

Mục đích: Báo cáo phân tích khái quát những kiến thức, kỹ năng và thái độ môn học cần hình thành, vị trí của học phần trong CTĐT; Chỉ ra được mối quan hệ mức độ giảng dạy I, T, U của học phần trong mối tương quan với các học phần khác trong CTĐT, thể hiện được trình tự phát triển năng lực nghề nghiệp CDIO của ngành đào tạo, đảm bảo kiến thức, kỹ năng và thái độ không bị trùng lặp ở các học phần (Nội dung đã được đề cập ở học phần trước nếu xuất hiện ở học phần sau phải ở mức độ cao hơn hoặc chỉ ở dạng vận dụng “U”). Sản phẩm nghiệm thu gồm: **Báo cáo phân tích, Bảng 1 và Bảng 2.**

Bảng 1: Bảng mô tả các chủ đề CĐR của CTĐT phân nhiệm cho học phần của khối kiến thức, chỉ rõ trình độ năng lực SV cần đạt mà học phần phải đáp ứng, cùng với mức độ giảng dạy ITU.

Tên HP	Các chuẩn đầu ra cấp độ 3 CTĐT phân nhiệm cho học phần											
	1.1. 1	1.1. 2	...	2.1.1	2.1.2	...	3.1.1	3.1.2	...	4.1.1	4.2.1	...
Trình độ năng lực												
Mức độ giảng dạy ITU												

Ví dụ:

Tên HP	Các chuẩn đầu ra Cấp độ 3 CTĐT phân nhiệm cho học phần											
	1.1. 1	1.1. 2	...	2.1.1	2.1.2	...	3.1.1	3.1.2	...	4.1.1	4.2.1	...
Trình độ năng lực	3.0	3.0		2.5	2.5		3.0	3.0		3.0	3.0	
Mức độ giảng dạy ITU	I,T	T		I,T	I,T		T,U	T,U		U	U	

Bảng 2: Bảng mô tả danh mục các CĐR học phần đáp ứng CĐR CTĐT

Các chuẩn đầu ra học phần		Trình độ năng lực	CĐR CTĐT tương ứng
Ký hiệu	Nội dung CĐR học phần		
G1.1			
...			
Gx.x			

Ví dụ:

Các chuẩn đầu ra học phần		Trình độ năng lực	CĐR CTĐT tương ứng
Ký hiệu	Nội dung CĐR học phần		
G1.1	Hiểu được....	2.5	1.1.1
G2.1	Hiểu được cơ chế....	2.5	2.1.1
G3.1	Vận dụng được....	3.0	3.2.1
G4.1	Thực hiện được....	3.5	4.3.1

Sản phẩm 2: Đề cương chi tiết học phần

TT	Nội dung và yêu cầu cần đạt
1	Thông tin tổng quát
	Thông tin về giảng viên: Phải ghi đầy đủ họ tên, học hàm, học vị, địa chỉ liên hệ, email (sử dụng tên miền @vinhuni.edu.vn); Mỗi học phần có ít nhất 02 giảng viên tham gia giảng dạy, trong đó giảng viên 1 phải có học vị tiến sĩ trở lên. Thông tin về học phần: - Tên học phần bằng tiếng Việt và tiếng Anh; - Mã học phần; Khối kiến thức, kỹ năng; Số tín chỉ; Số tiết lý thuyết, thảo luận/bài tập/thực hành/hoạt động nhóm/tự học; - Điều kiện tiên quyết, điều kiện song hành của học phần (nếu có).
2	Mô tả học phần
	Nội dung mô tả ngắn gọn, súc tích; Mô tả được vai trò, vị trí và mục đích, yêu cầu...của học phần trong CTĐT; kiến thức và kỹ năng cốt lõi mà học phần cung cấp cho sinh viên.
3	Mục tiêu học phần
	- Phù hợp với chuẩn đầu ra CTĐT; - Đáp ứng được trình độ năng lực của CTĐT; - Mô tả rõ ràng các động từ chủ động tương ứng các chủ đề CĐR cấp độ 3.
4	Chuẩn đầu ra học phần
	- Chuẩn đầu ra phù hợp ma trận đối ứng chuẩn đầu ra môn học của CTĐT; - Cấu trúc Chuẩn đầu ra theo 1 trong 2 cách sau: Cách 1: Theo 4 trụ cột CDIO; Cách 2: Theo trình tự nội dung. - Chuẩn đầu ra xác định cụ thể mục tiêu sinh viên cần đạt; - Sử dụng đúng động từ Bloom; - Mức độ giảng dạy I, T, U được dùng đúng và phù hợp với từng chuẩn đầu ra.
5	Đánh giá học phần
	Cần mô tả cụ thể việc đánh giá học phần, đảm bảo tối thiểu 2 yêu cầu sau: - Yêu cầu đánh giá phù hợp các qui định hiện hành của Nhà trường (theo Quyết định số

	1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 và Hướng dẫn số 04/HD-ĐHV ngày 30/3/2018 của Hiệu trưởng); - Có Ma trận đánh giá theo chuẩn đầu ra (ứng với mỗi chuẩn đầu ra, chỉ rõ hình thức đánh giá, bài đánh giá, tiêu chí đánh giá và mức độ kì vọng đạt được).
6	Nội dung và kế hoạch giảng dạy
6.1	Nội dung giảng dạy
	- Cấu trúc bài giảng đảm bảo tính hệ thống, tính khoa học; - Hệ thống kiến thức, kỹ năng được trình bày phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần; - Nêu được nội dung cơ bản cần ưu tiên cho mỗi tiết hoặc mỗi buổi dạy; - Nêu các kỹ năng, thái độ, giá trị cần được hình thành, củng cố... của học phần.
6.2	Kế hoạch dạy học
	Lưu ý: Kế hoạch giảng dạy là kịch bản chi tiết các hoạt động của người dạy và người học trên lớp theo buổi (block thời gian). Block thời gian tính theo 2 loại: 3 tiết/1 block và 2 tiết/ 1 block. + Đối với các học phần 75 tiết, chia theo 2 loại block thời gian: 3 tiết/ 1 block + 2 tiết/ 1 block. + Đối với các học phần 60 tiết hoặc 30 tiết, chia block thời gian 2 tiết / 1 block. + Đối với các học phần 45 tiết, chia block thời gian 3 tiết/ 1 block. <i>Kế hoạch giảng dạy</i> phải đáp ứng các yêu cầu sau: - Giáo viên cần trình bày những kiến thức, kỹ năng và thái độ trong mỗi block thời gian. - Nêu rõ phương tiện hỗ trợ giảng dạy đối với từng nội dung. Mô tả tóm tắt hoạt động ứng dụng CNTT để tương tác với sinh viên trong quá trình giảng dạy học phần (LMS, email, website, homepage, facebook,...); - Có kế hoạch giảng dạy chi tiết; nêu rõ hình thức tổ chức hoạt động dạy học (hoạt động nhóm, thuyết trình, báo cáo, thảo luận,...); - Nêu rõ các nội dung sinh viên tự học và sản phẩm tự học sau mỗi bài lên lớp; Có câu hỏi định hướng/gợi ý và sản phẩm sinh viên phải chuẩn bị trước khi lên lớp (Ví dụ: Tóm tắt, báo cáo, chuẩn bị nội dung thảo luận, nghiên cứu tình huống giáo viên cho trước, v.v.). Sản phẩm tự học phải được thể hiện trên hệ thống LMS để giảng viên đánh giá. - Có kế hoạch kiểm tra đánh giá cụ thể.
7	Nguồn học liệu
	- Không quá 02 tài liệu bắt buộc. Tài liệu bắt buộc phải có tính cập nhật (ít nhất có 01 cuốn xuất bản sau 2012) và có sẵn trên thị trường Việt Nam; - Trình bày danh mục giáo trình, tài liệu đúng quy cách đã được hướng dẫn.

Sản phẩm 3: File tóm tắt bài giảng học phần

Yêu cầu: File tóm tắt bài giảng học phần sẽ được công khai trên hệ thống để người học nắm bắt được các thông tin cần thiết về học phần và có kế hoạch chủ động nghiên cứu, chuẩn bị trước khi lên lớp. Đặc biệt lưu ý:

- File tóm tắt bài giảng phải thể hiện rõ nội dung các block thời gian, nhiệm vụ của người học trước mỗi buổi học, phương thức kiểm tra đánh giá công tác chuẩn bị của người học,... ;
- File tóm tắt bài giảng phải tương thích với kế hoạch giảng dạy: block thời gian; hình thức tổ chức,...

TT	Nội dung và yêu cầu cần đạt
1	Về nội dung
	Thể hiện được nội dung chính của học phần
	Đảm bảo mọi giảng viên xây dựng và triển khai được bài giảng chi tiết học phần dựa trên file tóm tắt bài giảng.
2	Về cấu trúc
	Phần 1: Thông tin chung
	Slide 1: Thông tin tổng quát: + Thông tin về đơn vị, logo + Tên học phần + Họ và tên giảng viên + Đơn vị, email (...@vinhuni.edu.vn)
	Slide 2: Thông tin học phần: + Tên học phần + Mã học phần + Khối kiến thức + Số tín chỉ (lý thuyết, bài tập, thực hành, tự học) + Vị trí học phần (học phần tiên quyết, học phần song hành)
	Slide 3: Mô tả học phần + Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo + Những mục đích và nội dung chính yếu của học phần
	Slide 4: Mục tiêu học phần + Các mục tiêu tổng quát của học phần (theo đề cương tổng quát).
	Slide 5. Nội dung giảng dạy (liệt kê các chương và nội dung chính của học phần)
	Slide 6. Hình thức đánh giá
	Slide 7. Nguồn học liệu
	Slide 8. Quy định học phần
	Phần 2: Thông tin chi tiết (kế hoạch giảng dạy)
	Mỗi bài học cần cần có các nội dung sau đây Slide 9 đến slide n – 1 + Tóm tắt nội dung giảng dạy + Bài tập tại lớp, thảo luận,... (nếu có) + Sau mỗi buổi học có câu hỏi và/hoặc bài kiểm tra về nội dung đã học. Các nội dung này liên quan đến bài kiểm tra đánh giá giữa kỳ.

	- Có câu hỏi định hướng và yêu cầu sản phẩm sinh viên cần chuẩn bị cho bài học tiếp theo.
	Slide n. Tổng kết học phần
3	Về hình thức
	Trình bày: + Ngắn gọn, súc tích + Nên trình bày: Mỗi ý không quá 2.5 dòng, mỗi dòng không quá 12 từ, mỗi slide không nên quá 10 dòng. + Mỗi slide chỉ nên trình bày tối đa 2 ý tưởng + Ngắt dòng hợp lý + Hình ảnh, biểu đồ minh họa rõ ràng
	Phông chữ: + Sử dụng chuẩn Unicode + Kiểu chữ không chân (Ví dụ: Arial, Tahoma) + Không sử dụng tắt cả chữ hoa
	Kích cỡ chữ: + Tiêu đề tương đương Arial, 40pt + Phụ đề tương đương Arial, 32pt + Nội dung văn bản tối thiểu tương đương Arial, 24pt
	Độ tương phản: + Tuân thủ nguyên tắc tương phản: nền sáng, chữ tối hoặc ngược lại. + Sử dụng nền chung cho tất cả slide + Tránh kết hợp quá nhiều màu sắc trong 1 slide.
	Biểu tượng, logo: + Đặt ở góc trên bên trái hoặc phải.

Sản phẩm 4: Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần (Mẫu 03)

Yêu cầu:

- Bản đặc tả phải ghi rõ các thông tin về học phần (bao gồm cả mã học phần, số tín chỉ, đối tượng giảng dạy), đơn vị đảm nhận giảng dạy.
- Bản đặc tả cần mô tả cụ thể mục tiêu đánh giá và mức độ đánh giá cho từng nội dung để đạt được mục tiêu đánh giá.
- Có biên bản nghiệm thu đúng qui định.

Sản phẩm 5: Hệ thống câu hỏi thi và tiêu chí đánh giá học phần

5.1 Ma trận câu hỏi thi học phần (Mẫu 04)

Yêu cầu:

- Ma trận câu hỏi thi cần mô tả cụ thể mức độ đánh giá và có đối sánh với chuẩn đầu ra của học phần.

- Ma trận gồm các câu hỏi thi với các mức độ đánh giá Biết/Nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích/Tổng hợp và Đánh giá/Sáng tạo; phù hợp với chuẩn đầu ra và thang đo năng lực của học phần.

5.2 Ngân hàng câu hỏi thi học phần (Mẫu 05)

Yêu cầu:

- Có bản phân bố câu hỏi thi theo 5 mức độ.
- Đối với học phần chỉ áp dụng thi trắc nghiệm khách quan cho thi giữa kỳ: Cần có ít nhất 75 câu hỏi thuộc nội dung của tín chỉ thứ nhất đối với học phần từ 3 tín chỉ lý thuyết trở xuống; ít nhất 150 câu hỏi thuộc nội dung tín chỉ thứ nhất và thứ hai đối với học phần từ 4 tín chỉ lý thuyết trở lên.
- Đối với học phần áp dụng thi trắc nghiệm khách quan cho cả thi giữa kỳ và cuối kỳ: số lượng câu hỏi tối thiểu phải đạt 100 câu/tín chỉ (nhân với số tín chỉ của học phần).
- Đối với học phần thi thực hành trên máy tính/thi vấn đáp: cần có 01 bộ ngân hàng câu hỏi thi gồm ít nhất 30 câu (đối với học phần 2 tín chỉ) hoặc 45 câu (đối với học phần 3 tín chỉ trở lên) đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần và 01 bộ tiêu chí đánh giá + thang đánh giá.
- Đối với học phần thi tự luận: cần có 01 bộ ngân hàng câu hỏi theo Qui định 1262 (ban hành ngày 13/11/2017), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần.
- Các câu hỏi của đề thi cuối kỳ có mức độ đánh giá từ mức năng lực của học phần trở lên.
- Có biên bản nghiệm thu đúng qui định.

5.3 Bộ tiêu chí đánh giá học phần (Mẫu 06)

Dùng cho việc đánh giá quá trình theo Hướng dẫn 04 (ban hành ngày 30/3/2018) và dùng cho việc đánh giá kỹ năng thực hành).

Yêu cầu:

- Ghi rõ các thông tin về học phần (bao gồm mã học phần, số tín chỉ, dùng cho ngành), đơn vị đảm nhận.
- Đối với mỗi bài đánh giá quá trình: cần có 01 bộ tiêu chí đánh giá + thang đánh giá.
- Đối với học phần thi thực hành trong phòng thí nghiệm, sân bãi; tập giảng, thực tập ...: cần có 01 bộ tiêu chí đánh giá + thang đánh giá.
- Bộ tiêu chí đánh giá cần mô tả cụ thể mức độ đánh giá và có đối sánh với chuẩn đầu ra của học phần.
- Bộ tiêu chí đánh giá đối với học phần thi thực hành sân bãi gồm 5 mức độ: Bất chước, Tự thực hiện được, Thực hiện chính xác, Phối hợp được (thực hiện trong nhóm) và Tự động (kĩ xảo).
- Mức độ đánh giá của các tiêu chí dùng trong bài đánh giá cuối kỳ từ mức năng lực của học phần trở lên.
- Có biên bản nghiệm thu đúng qui định.

Lưu ý: Đầu mỗi hỗ trợ, trao đổi ý kiến trong quá trình triển khai:

+ Các nội dung liên quan đến sản phẩm: 1, 2 và 3 xin vui lòng liên hệ Phòng Đào tạo (TS. Trần Bá Tiến);

+ Các nội dung liên quan đến sản phẩm: 4 và 5 xin vui lòng liên hệ Trung tâm Đảm bảo chất lượng (TS Nguyễn Ngọc Hiếu);

+ Các nội dung liên quan đến hồ sơ khoa học và các vấn đề khác xin vui lòng liên hệ Phòng KH&HTQT (TS. Đinh Đức Tài).

Bản mềm các biểu mẫu liên quan sẽ được Phòng KH&HTQT gửi trực tiếp đến từng chủ nhiệm đề tài theo địa chỉ email cá nhân có tên miền @vinhuni.edu.vn.



THUYẾT MINH ĐỀ TÀI KH&CN TRỌNG ĐIỂM CẤP TRƯỜNG

<TÊN ĐỀ TÀI >

(Tên đề tài ghi đúng theo tên đã công bố trong QĐ số 251/QĐ-ĐHV ngày 10/4/2018)

Mã số: T2018 - - TĐ

**Chủ nhiệm đề tài: <Chức danh khoa học, học vị,
họ tên của chủ nhiệm đề tài>**

Các thành viên tham gia:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.
- 6.

Nghệ An, 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRỌNG ĐIỂM CẤP TRƯỜNG

1. TÊN ĐỀ TÀI: (Tên đề tài ghi đúng theo tên đã công bố trong QĐ số 251/QĐ-ĐHV ngày 10/4/2018)					
2. LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU			3. LOẠI HÌNH NGHIÊN CỨU		
Tự nhiên ☐	Kỹ thuật ☐	Môi trường ☐	Cơ bản ☐	Ứng dụng ☐	Triển khai ☐
Kinh tế; XH-NV ☐	Nông Lâm ☐	ATLĐ ☐			
Giáo dục ☐	Y Dược ☐	Sở hữu trí tuệ ☐			
Lĩnh vực khác:					
4. THỜI GIAN THỰC HIỆN: Từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 12 năm 2018					
5. CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI: Họ và tên: (Ghi rõ chức danh, học hàm, học vị) Đơn vị công tác: Điện thoại: Email:					
6. NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI					
TT	HỌ VÀ TÊN, HỌC HÀM, HỌC VỊ (Ghi rõ chức danh)(*)	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	NỘI DUNG CÔNG VIỆC ĐƯỢC GIAO	CHỮ KÝ	
1.	PGS.TS. Nguyễn Văn A Chủ nhiệm đề tài				
2.	TS. Trần Ngọc B Thư ký khoa học				
3.	PGS.TS. Lê Thị C Thành viên thực hiện chính				
4.	ThS. Nguyễn Văn D Thành viên				
5.	CN. Hồ Thị E Kỹ thuật viên				

(*) Chức danh bao gồm: Chủ nhiệm đề tài, Thư ký khoa học, Thành viên thực hiện chính, Thành viên, Kỹ thuật viên, Nhân viên hỗ trợ.

7. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG PHỐI HỢP	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI ĐẠI DIỆN

8. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THUỘC LĨNH VỰC CỦA ĐỀ TÀI Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

8.1. Trong nước (phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài ở Việt Nam, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)

8.2. Ngoài nước (phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài trên thế giới, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được trích dẫn khi đánh giá tổng quan)

8.3. Danh mục các công trình đã công bố thuộc lĩnh vực của đề tài của chủ nhiệm và những thành viên tham gia nghiên cứu (họ và tên tác giả; bài báo; ấn phẩm; các yếu tố về xuất bản)

9. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

10. MỤC TIÊU ĐỀ TÀI

(Mục tiêu đề tài ghi đúng theo mục tiêu đã công bố trong QĐ số 251/QĐ-ĐHV ngày 10/4/2018)

11. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU

12. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

13. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

13.1. Nội dung nghiên cứu

(Nội dung nghiên cứu ghi đúng và đủ theo các nội dung đã công bố trong QĐ số 251/QĐ-ĐHV ngày 10/4/2018. Cụ thể hóa các nội dung nghiên cứu theo định hướng các sản phẩm yêu cầu)

Ví dụ:

Nội dung 1: Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá học phần *Nghệ thuật học đại cương* theo tiếp cận CDIO

- 1.1. Nghiên cứu phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần *Nghệ thuật học đại cương* và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;
- 1.2. Nghiên cứu xây dựng *Đề cương chi tiết* học phần *Nghệ thuật học đại cương*;
- 1.3. Nghiên cứu xây dựng *Slide tóm tắt bài giảng* học phần *Nghệ thuật học đại cương*;
- 1.4. Nghiên cứu xây dựng *Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi* của học phần *Nghệ thuật học đại cương*;
- 1.5. Nghiên cứu xây dựng *Hệ thống câu hỏi thi* (tiêu chí đánh giá) học phần *Nghệ thuật học đại cương*.

Nội dung 2: Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá học phần *Lịch sử báo chí - truyền thông* theo tiếp cận CDIO

- 2.1. Nghiên cứu phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần *Lịch sử báo chí - truyền thông* và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;
- 2.2. Nghiên cứu xây dựng *Đề cương chi tiết* học phần *Lịch sử báo chí - truyền thông*;
- 2.3. Nghiên cứu xây dựng *Slide tóm tắt bài giảng* học phần *Lịch sử báo chí - truyền thông*;
- 2.4. Nghiên cứu xây dựng *Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi* của học phần *Lịch sử báo chí - truyền thông*;
- 2.5. Nghiên cứu xây dựng *Hệ thống câu hỏi thi* (tiêu chí đánh giá) học phần *Lịch sử báo chí - truyền thông*.

Nội dung 3: Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá học phần *Cơ sở lý luận báo chí - truyền thông* theo tiếp cận CDIO

- 3.1. Nghiên cứu phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần *Cơ sở lý luận báo chí - truyền thông* và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;
- 3.2. Nghiên cứu xây dựng *Đề cương chi tiết* học phần *Cơ sở lý luận báo chí - truyền thông*;
- 3.3. Nghiên cứu xây dựng *Slide tóm tắt bài giảng* học phần *Cơ sở lý luận báo chí - truyền thông*;
- 3.4. Nghiên cứu xây dựng *Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi* của học phần *Cơ sở lý luận báo chí - truyền thông*.

truyền thông;

3.5. Nghiên cứu xây dựng *Hệ thống câu hỏi thi* (tiêu chí đánh giá) học phần *Cơ sở lý luận báo chí - truyền thông*.

Nội dung 4: Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá học phần *Luật báo chí, xuất bản và truyền thông* theo tiếp cận CDIO

4.1. Nghiên cứu phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần *Luật báo chí, xuất bản và truyền thông* và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;

4.2. Nghiên cứu xây dựng *Đề cương chi tiết* học phần *Luật báo chí, xuất bản và truyền thông*;

4.3. Nghiên cứu xây dựng *Slide tóm tắt bài giảng* học phần *Luật báo chí, xuất bản và truyền thông*;

4.4. Nghiên cứu xây dựng *Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi* của học phần *Luật báo chí, xuất bản và truyền thông*;

4.5. Nghiên cứu xây dựng *Hệ thống câu hỏi thi* (tiêu chí đánh giá) học phần *Luật báo chí, xuất bản và truyền thông*.

Nội dung 5: Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá học phần *Tổ chức, hoạt động của cơ quan báo chí* theo tiếp cận CDIO

5.1. Nghiên cứu phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần *Tổ chức, hoạt động của cơ quan báo chí* và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;

5.2. Nghiên cứu xây dựng *Đề cương chi tiết* học phần *Tổ chức, hoạt động của cơ quan báo chí*;

5.3. Nghiên cứu xây dựng *Slide tóm tắt bài giảng* học phần *Tổ chức, hoạt động của cơ quan báo chí*;

5.4. Nghiên cứu xây dựng *Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi* của học phần *Tổ chức, hoạt động của cơ quan báo chí*;

5.5. Nghiên cứu xây dựng *Hệ thống câu hỏi thi* (tiêu chí đánh giá) học phần *Tổ chức, hoạt động của cơ quan báo chí*.

Nội dung 6: Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá học phần *Ngôn ngữ báo chí - truyền thông* theo tiếp cận CDIO

6.1. Nghiên cứu phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần *Ngôn ngữ báo chí - truyền thông* và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;

6.2. Nghiên cứu xây dựng *Đề cương chi tiết* học phần *Ngôn ngữ báo chí - truyền thông*;

6.3. Nghiên cứu xây dựng *Slide tóm tắt bài giảng* học phần *Ngôn ngữ báo chí - truyền thông*;

6.4. Nghiên cứu xây dựng *Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi* của học phần *Ngôn ngữ báo chí - truyền thông*;

6.5. Nghiên cứu xây dựng *Hệ thống câu hỏi thi* (tiêu chí đánh giá) học phần *Ngôn ngữ báo chí - truyền thông*.

13.2. Tiến độ thực hiện (Tiến độ thực hiện phải phù hợp và tương thích với nội dung nghiên cứu)					
TT	Các nội dung, công việc thực hiện (Ghi đầy đủ nội dung chi tiết trong Mục 13.1 ở trên)	Sản phẩm (Với mỗi nội dung nghiên cứu, phải ghi đầy đủ các sản phẩm tương ứng)	Thời gian (bắt đầu-kết thúc)	Người thực hiện	
1	Nội dung 1: Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá học phần <i>Nghệ thuật học đại cương</i> theo tiếp cận CDIO				
1.1	Nghiên cứu phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần <i>Nghệ thuật học đại cương</i> và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;	Báo cáo phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần <i>Nghệ thuật học đại cương</i> và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;	1/2018-5/2018	PGS.TS Văn A	Nguyễn
1.2	Nghiên cứu xây dựng <i>Đề cương chi tiết</i> học phần <i>Nghệ thuật học đại cương</i> ;	<i>Đề cương chi tiết</i> học phần <i>Nghệ thuật học đại cương</i> ;	5/2018-8/2018	PGS.TS Văn A	Nguyễn
1.3	Nghiên cứu xây dựng <i>Slide tóm tắt bài giảng</i> học phần <i>Nghệ thuật học đại cương</i> ;	<i>Slide tóm tắt bài giảng</i> học phần <i>Nghệ thuật học đại cương</i> ;	6/2018-9/2018	PGS.TS Văn A	Nguyễn
1.4	Nghiên cứu xây dựng <i>Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi</i> của học phần <i>Nghệ thuật học đại cương</i> ;	<i>Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi</i> của học phần <i>Nghệ thuật học đại cương</i> ;	7/2018-10/2018	PGS.TS Văn A	Nguyễn
1.5	Nghiên cứu xây dựng <i>Hệ thống câu hỏi thi</i> (tiêu chí đánh giá) học phần <i>Nghệ thuật học đại cương</i> .	<i>Hệ thống câu hỏi thi</i> (tiêu chí đánh giá) học phần <i>Nghệ thuật học đại cương</i> .	8/2018-12/2018	PGS.TS Văn A	Nguyễn
2	Nội dung 2: Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá học phần <i>Lịch sử báo chí - truyền thông</i> theo tiếp cận CDIO				
2.1	Nghiên cứu phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần <i>Lịch sử báo chí - truyền thông</i> và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;	Báo cáo phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần <i>Lịch sử báo chí - truyền thông</i> và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo;	1/2018-5/2018	PGS.TS Văn B	Nguyễn
2.2	Nghiên cứu xây dựng <i>Đề cương chi tiết</i> học phần <i>Lịch sử báo chí - truyền thông</i> ;	<i>Đề cương chi tiết</i> học phần <i>Lịch sử báo chí - truyền thông</i> ;	5/2018-8/2018	PGS.TS Văn B	Nguyễn
2.3	Nghiên cứu xây dựng <i>Slide tóm tắt bài giảng</i> học phần <i>Lịch sử báo chí - truyền thông</i> ;	<i>Slide tóm tắt bài giảng</i> học phần <i>Lịch sử báo chí - truyền thông</i> ;	6/2018-9/2018	PGS.TS Văn B	Nguyễn
2.4	Nghiên cứu xây dựng <i>Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi</i>	<i>Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi</i> của học phần <i>Lịch</i>	7/2018-10/2018	PGS.TS Văn B	Nguyễn



	của học phần <i>Lịch sử báo chí - truyền thông</i> ;	<i>sử báo chí - truyền thông</i> ;		
2.5	Nghiên cứu xây dựng <i>Hệ thống câu hỏi thi</i> (tiêu chí đánh giá) học phần <i>Lịch sử báo chí - truyền thông</i> .	<i>Hệ thống câu hỏi thi</i> (tiêu chí đánh giá) học phần <i>Lịch sử báo chí - truyền thông</i> .	8/2018-12/2018	PGS.TS Nguyễn Văn B
3	Nội dung 3: Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá học phần <i>Cơ sở lý luận báo chí - truyền thông</i> theo tiếp cận CDIO			
				
				
				

14. SẢN PHẨM

14.1. Sản phẩm khoa học

Sách chuyên khảo ☐
 Sách tham khảo ☐
 Giáo trình ☐

Bài báo đăng tạp chí nước ngoài ☐
 Bài báo đăng tạp chí trong nước ☐
 Bài đăng kỷ yếu hội nghị, hội thảo quốc tế ☐

14.2. Sản phẩm đào tạo

Nghiên cứu sinh ☐

Cao học ☐

14.3. Sản phẩm ứng dụng

Báo cáo phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ☐
 Đề cương chi tiết ☐
 Slide tóm tắt bài giảng ☐

Bộ tiêu chí đánh giá học phần ☒
 Bản đặc tả ma trận ☒
 Ma trận câu hỏi thi ☒
 Ngân hàng câu hỏi thi ☒

14.4 Thông tin về sản phẩm (tên sản phẩm, số lượng và yêu cầu khoa học đối với sản phẩm)

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Yêu cầu khoa học
1	Báo cáo phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	= số nội dung nghiên cứu = số học phần	- Báo cáo phân tích khái quát những kiến thức và kỹ năng thể hiện trong sản phẩm của đề tài, vị trí của học phần trong CTĐT; - Chỉ ra được mối quan hệ mức độ giảng dạy I, T, U của học phần trong mối tương quan với các học phần khác trong CTĐT, thể hiện được trình tự phát triển năng lực nghề nghiệp CDIO của ngành đào tạo, đảm bảo kiến thức và kỹ năng không bị trùng lặp ở các học phần. - Đúng mẫu quy định.
2	Đề cương chi tiết học phần	= số nội dung nghiên cứu = số học phần	Đầy đủ nội dung, thông tin và form mẫu quy định.
3	Slide tóm tắt bài giảng	= số nội dung	Đầy đủ nội dung, thông tin và form mẫu quy định.

		nghiên cứu = số học phần = số nội dung nghiên cứu = số học phần	
4	Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi của học phần		Đầy đủ nội dung, thông tin và form mẫu quy định.
5	Hệ thống câu hỏi thi và tiêu chí đánh giá học phần.	Theo công văn hướng dẫn	Đầy đủ nội dung, thông tin và form mẫu quy định.
5.1	Ma trận câu hỏi thi học phần (Mẫu 04)	Theo công văn hướng dẫn	Đầy đủ nội dung, thông tin và form mẫu quy định.
5.2	Ngân hàng câu hỏi thi học phần (Mẫu 05)	Theo công văn hướng dẫn	Đầy đủ nội dung, thông tin và form mẫu quy định.
5.3	Bộ tiêu chí đánh giá học phần (Mẫu 06)	Theo công văn hướng dẫn	Đầy đủ nội dung, thông tin và form mẫu quy định.
15. HIỆU QUẢ (<i>Hiệu quả GD&ĐT, hiệu quả kinh tế - xã hội</i>)			
16. PHƯƠNG THỨC CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊA CHỈ ỨNG DỤNG			



17. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

TỔNG KINH PHÍ: (Số tiền bằng số)

(Số tiền bằng chữ)

Stt	Khoản chi, nội dung chi	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí	
				Kinh phí từ NSNN	Các nguồn khác
1	Chi tiền công lao động trực tiếp	1/2018-12/2018			
2	Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu				
3	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định				
4	Chi hội thảo khoa học, công tác phí				
5	Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu				
6	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu				
7	Chi văn phòng, phẩm, thông tin liên lạc, in ấn				
8	Chi họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở				
9	Chi quản lý chung				
10	Chi khác				
	Tổng cộng				

(Có bảng dự toán kinh phí chi tiết kèm theo)

Nghệ An, ngày... tháng năm 2018

Trưởng đơn vị

(ký, họ và tên)

Chủ nhiệm đề tài

(ký, họ và tên)

Nghệ An, ngày ...tháng năm 2018

DUYỆT BAN GIÁM HIỆU

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Huy Bằng



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRỌNG ĐIỂM CẤP TRƯỜNG NĂM 2018

Tên đề tài: Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần *Hình họa – Vẽ kỹ thuật* tiếp cận CDIO.

Mã số: T2018-.....

Chủ nhiệm:

Tổng kinh phí:

Mức lương cơ bản áp dụng: 1,300,000

Đơn vị tính: VNĐ

I. KINH PHÍ CHI NHÂN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP									
TT	Họ và tên	Chức danh	Nội dung công việc được giao	Kết quả, Sản phẩm	Hệ số tiền công theo ngày	Định mức công lao động khoa học (đ/ngày)	Số ngày làm việc quy đổi	Tiền công (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = 1.300.000 x (6)	(8)	(9)=(7)x(8)	(10)
1	ThS. Phạm Hồng Sơn	CNĐT	- Chỉ đạo chung, thực hiện nghiên cứu minh xây dựng các sản phẩm đề tài; - Nội dung 1. Xây dựng thuyết minh đề tài; - Nội dung 2. Chuẩn đầu ra; - Nội dung 3. Đề cương tổng quát, đề cương chi tiết; - Nội dung 4. Đề cương bài giảng - Nội dung 5. File tóm tắt bài giảng; - Nội dung 6. Ma trận đề thi; - Nội dung 7. 50 câu hỏi ;	Thuyết minh đề tài; Chuẩn đầu ra; Đề cương tổng quát, đề cương chi tiết; Đề cương bài giảng; File tóm tắt bài giảng; Ma trận đề thi; 50 câu hỏi; Báo cáo tổng kết.	0.26	338,000	50.0	16,900,000	
2	ThS. Nguyễn Thị Kiều Vinh	TKKH	- Tổng hợp các kết quả nghiên cứu; - Nội dung 2. Chuẩn đầu ra; - Nội dung 3. Đề cương tổng quát, đề cương chi tiết; - Nội dung 4. Đề cương bài giảng. - Nội dung 5. File tóm tắt bài giảng); - Nội dung 6. Ma trận đề thi; - Nội dung 7. 50 câu hỏi;	Chuẩn đầu ra, Đề cương tổng quát, đề cương chi tiết; Đề cương bài giảng; File tóm tắt bài giảng; Ma trận đề thi; 50 câu hỏi;	0.21	273,000	24.0	6,552,000	

TT	Họ và tên	Chức danh	Nội dung công việc được giao	Kết quả, Sản phẩm	Hệ số tiền công theo ngày	Định mức công lao động khoa học (đ/ngày)	Số ngày làm việc quy đổi	Tiền công (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= 1.300.000 x (6)	(8)	(9)=(7)x(8)	(10)
3	TS. Phan Văn Tiến	TVTHC	- Nội dung 1. Xây dựng thuyết minh đề tài; - Nội dung 2. Chuẩn đầu ra; - Nội dung 3. Đề cương tổng quát, đề cương chi tiết; - Nội dung 4. Đề cương bài giảng - Nội dung 6. Ma trận đề thi; - Nội dung 7. 50 câu hỏi.	Thuyết minh đề tài; Chuẩn đầu ra; Đề cương tổng quát, đề cương chi tiết; Đề cương bài giảng; Ma trận đề thi; 50 câu hỏi.	0.21	273,000	24.0	6,552,000	
4	ThS. Nguyễn Thị Duyên	TV	- Nội dung 2. Chuẩn đầu ra; - Nội dung 3. Đề cương tổng quát, đề cương chi tiết; - Nội dung 4. Đề cương bài; - Nội dung 6. Ma trận đề thi; - Nội dung 7. 50 câu hỏi.	Chuẩn đầu ra; Đề cương tổng quát, đề cương chi tiết; Đề cương bài giảng; Ma trận đề thi; 50 câu hỏi.	0.17	221,000	23.0	5,083,000	
5	ThS. Doãn Thị Thùy Hương	TV	- Nội dung 2. Chuẩn đầu ra; - Nội dung 3. Đề cương tổng quát, đề cương chi tiết; - Nội dung 4. Đề cương bài giảng; - Nội dung 5. File tóm tắt bài giảng); - Nội dung 6. Ma trận đề thi; - Nội dung 7. 50 câu hỏi.	Chuẩn đầu ra; Đề cương tổng quát, đề cương chi tiết; Đề cương bài giảng; File tóm tắt bài giảng; Ma trận đề thi; 50 câu hỏi.	0.17	221,000	23.0	5,083,000	
6	KTS. Cao Thị Hào	TV	- Nội dung 2. Chuẩn đầu ra; - Nội dung 3. Đề cương tổng quát, đề cương chi tiết; - Nội dung 4. Đề cương bài giảng; - Nội dung 5. File tóm tắt bài giảng); - Nội dung 6. Ma trận đề thi; - Nội dung 7. 50 câu hỏi.	Chuẩn đầu ra; Đề cương tổng quát, đề cương chi tiết; Đề cương bài giảng; File tóm tắt bài giảng; Ma trận đề thi; 50 câu hỏi.	0.17	221,000	23.0	5,083,000	
II. KINH PHÍ CHI KHÁC									
1	Văn phòng phẩm							1,009,900	
2	Chi phí quản lý							2,270,000	
Tổng cộng:								48,532,900	

TT	Họ và tên	Chức danh	Nội dung công việc được giao	Kết quả, Sản phẩm	Hệ số tiền công theo ngày	Định mức công lao động khoa học (đ/ngày)	Số ngày làm việc quy đổi	Tiền công (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = 1.300.000 x (6)	(8)	(9)=(7)x(8)	(10)

(Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng.)

Nghệ An, ngày tháng năm 2018

Ban Giám hiệu

Phòng KH-TC

P. Phòng KH&HTQT

Chủ nhiệm

GS.TS. Đinh Xuân Khoa

ThS. Đậu Đăng Tuấn



Mẫu 03: Bản đặc tả ma trận câu hỏi thi học phần

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN CÂU HỎI THI HỌC PHẦN

KHOA/VIỆN:

BỘ MÔN:

Tên học phần:

Mã học phần: Số tín chỉ:

Dùng cho ngành: (Ghi rõ ngành, hệ đào tạo, áp dụng từ khóa đào tạo nào):

Nội dung*	Cấp độ câu hỏi	Mục tiêu đánh giá	Số câu
Chương 1 Nội dung 1 Nội dung 2	Biết/Nhớ	+ Biết/Nhớ ** được ...	2
	Hiểu	+ Hiểu được/Phân biệt ...	5
	Vận Dụng	+ Tính toán được/Sử dụng được/Vận dụng ...	2
Chương 2 ...	Phân tích/ Tổng hợp	+ Xử lý được/ Phân tích được/ So sánh được ...	5
	Đánh giá	+ Đánh giá được ...	3
Chương ...	...	...	...
Tổng số câu			...

Ghi chú: Bản đặc tả câu hỏi thi phải phù hợp với Ma trận đánh giá theo chuẩn đầu ra tại Mục 5 của Đề cương chi tiết học phần.

* Sử dụng các động từ Bloom phù hợp

* Nội dung có thể trình bày theo chương, theo phần hay theo lĩnh vực tùy theo tính chất của từng học phần.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

MA TRẬN CÂU HỎI THI HỌC PHẦN

KHOA/VIỆN:

BỘ MÔN:

Tên học phần:

Mã học phần: Số tín chỉ:

Dùng cho ngành: (Ghi rõ ngành, hệ đào tạo, áp dụng từ khóa đào tạo nào):

Nội dung môn học	Cấp độ	Biết/Nhớ	Hiểu	Vận dụng	Phân tích, tổng hợp	Đánh giá, sáng tạo
Chương 1		CĐR: * ...	CĐR: ...	CĐR: ...	CĐR: ...	CĐR: ...
Số câu: ... Tỉ lệ: ...		Số câu: ...	Số câu: ...	Số câu: ...	Số câu: ...	Số câu: ...
Chương 2		CĐR: ...	CĐR: ...	CĐR: ...	CĐR: ...	CĐR: ...
Số câu: ... Tỉ lệ: ...		Số câu: ...	Số câu: ...	Số câu: ...	Số câu: ...	Số câu: ...
Chương n		CĐR: ...	CĐR: ...	CĐR: ...	CĐR: ...	CĐR: ...
Số câu: ... Tỉ lệ: ...		Số câu: ...	Số câu: ...	Số câu: ...	Số câu: ...	Số câu: ...
Tổng số câu: ... Tỉ lệ 100%		Số câu: ... Tỉ lệ: ...	Số câu: ... Tỉ lệ: ...	Số câu: ... Tỉ lệ: ...	Số câu: ... Tỉ lệ: ...	Số câu: ... Tỉ lệ: ...

* Chuẩn đầu ra trình bày theo ký hiệu



Mẫu 05: Ngân hàng câu hỏi thi học phần

(Trình bày trên Word, phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, công thức nhập bằng MathType hoặc chức năng Insert Equation trong Word (không dùng dạng Objects), hình ảnh ở dạng jpg có đặt tên ảnh)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI HỌC PHẦN

KHOA/VIỆN:

BỘ MÔN:

Tên học phần:

Mã học phần: Số tín chỉ:

Dùng cho ngành: (Ghi rõ ngành, hệ đào tạo, áp dụng từ khóa đào tạo nào):

Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan; Thời gian làm bài thi giữa kỳ/cuối kỳ :/..... phút

Tín chỉ	Mức độ	Số lượng(*)	Chủ đề*	Từ câu đến câu	Số câu hỏi thi giữa kỳ - Chuẩn đầu ra		Số câu hỏi thi cuối kỳ (**) - Chuẩn đầu ra	
1	1	25	1	Câu 1 đến 3	1	CĐR: ...	1	CĐR: ...
			2	Câu 4 đến 6	1	CĐR: ...	2	CĐR: ...
			...	(25 câu chia thành n chủ đề)	...	...	...	...
	2	25	1		2	CĐR: ...	2	CĐR: ...
			2		1	CĐR: ...	1	CĐR: ...
			...		...	...	...	...
	3	20	1		1	CĐR: ...	3	CĐR: ...
			2		3	CĐR: ...	2	CĐR: ...
			...		...	...	...	...
	4	15	1		...	...	...	...
			2		...	...	...	...
			...		...	...	...	...
	5	15	1					
			2					
			...					
2	1	25	1					
			2					
			..					
	2	25	1					
			2					
			...					
	3	20	1					
			2					
			...					
	4	15	1					
			2					
			...					
	5	15	1					
			2					
			...					



3	1	25	1					
			2					
			...					
	2	25	1					
			2					
			...					
	3	20	1					
			2					
			...					
	4	15	1					
			2					
			...					
	5	15	1					
			2					
			...					

Ghi chú: - Ví dụ học phần này có 3 tín chỉ, gồm có 300 câu, mỗi tín chỉ có 100 câu;

- (*) Số lượng câu hỏi cho mỗi mức do Bộ môn quy định phù hợp với mục tiêu môn học phần và mục tiêu chung của chương trình (ngành) đào tạo.

- (**) Các câu hỏi của đề thi cuối kỳ có mức độ đánh giá từ mức năng lực của học phần trở lên. Trường hợp mức năng lực là mức lẻ (chẳng hạn 3.5) thì các câu hỏi có thể ở cận dưới gần nhất của mức năng lực (tối thiểu 3.0) nhưng trung bình mức năng lực của cả đề thi phải đạt từ 3.5 trở lên.

- Trường hợp có nhiều câu hỏi về cùng một nội dung Các câu hỏi trong mỗi mức được chia thành nhiều chủ đề khác nhau để phân mềm tự động tổ hợp thành các đề thi, tránh trường hợp chọn nhiều câu cùng một chủ đề.

- Trường hợp các câu hỏi thi độc lập nhau, không cần xếp theo chủ đề.

Nội dung các câu hỏi:

Câu 1:

a. b. c. d.

Câu 2:

a. b. c. d.

Câu n:

a. b. c. d.

Ghi chú: - Mỗi câu hỏi có đầy đủ 4 phương án trả lời và không có phương án trả lời theo kiểu như: Tất cả các đáp án đều đúng/sai; Đáp án đúng/sai là A và B; ... (vì khi trộn đề thứ tự này sẽ bị đảo lộn ngẫu nhiên).

- Các đáp án đúng đều để ở phương án A và được tô màu đánh dấu.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

KHOA/VIỆN:

BỘ MÔN:

Tên học phần:

Mã học phần: Số tín chỉ:

Dùng cho ngành: (Ghi rõ ngành, hệ đào tạo, áp dụng từ khóa đào tạo nào):

Hình thức đánh giá: ...

Mức độ Tiêu chí đánh giá Chuẩn đầu ra được đánh giá	Mức 1	Mức 2	Mức ...	Điểm
Tiêu chí 1: ... CĐR: ...	...	...	...	...
Tiêu chí 2: ... CĐR: ...	...	...	...	...
Tiêu chí n: ... CĐR: ...	...	...	...	...

Ghi chú: Mức độ đánh giá của các tiêu chí dùng trong bài đánh giá cuối kỳ từ mức năng lực của học phần trở lên.

